

Bản án số: 16/2025/HS-ST
Ngày: 22/12/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Huyền và ông Nguyễn Văn Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An và điểm cầu trực tuyến tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2025/TLST – HS ngày 14/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 5, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Nay là: Xã N, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Nguyễn Thế K, sinh năm: 1971 và con bà Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ là Lê Thị H, sinh năm: 1991 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2015; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án số: 04/2017/HS-ST ngày 23/01/2017 của Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/12/2017, chưa được xóa án tích; Nhân thân: Tại Bản án số: 28/2019/HS-ST ngày 20/9/2019 của Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Tại Bản án số: 86/2021/HS-ST ngày 24/11/2021 của Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tại Bản án số: 09/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tiền sự: Không; Bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 33/2025/QĐ-CA ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

* *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1983 – Nơi cư trú: Thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An – Nay là: Xã A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1983 – Nơi cư trú: Thôn 4, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên – Nay là: Thôn 4, xã X, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị V – Sinh năm: 1980 – Nơi cư trú: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An – Nay là: Xã Y, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn L – Sinh năm: 1972 – Nơi cư trú: Thôn 6, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An – Nay là: Xã Y, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11 năm 2018, thông qua mạng xã hội Nguyễn Trung H biết chị Nguyễn Thị H, cư trú tại thôn 1, xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An đang cần tuyển 01 nam nhân viên lái xe tải chở gỗ keo, nên Nguyễn Trung H đến nhà chị Nguyễn Thị H, để liên hệ xin việc. Do thời điểm đó H không có giấy tờ tùy thân nên H đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân số 221339173 do Công an tỉnh Phú Yên cấp ngày 27/8/2014 mang tên Nguyễn Văn H, có địa chỉ thường trú tại thôn 4, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên do H nhặt được từ trước đó, có ảnh giống bị cáo để xin chị H làm việc, thì được chị H đồng ý. Chị H đã giao xe ô tô tải BKS 37C1-130.43 cho H để chở gỗ keo đi nhập cho công ty TNHH Thành Long, có địa chỉ tại Cồn H, xã T, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Hay còn gọi là công ty 471 nên khi xuất pH thường ghi Công ty 471). H đã thực hiện việc giao nhập gỗ keo cho công ty Thành Long khoảng 20 lần. Đến ngày 16/12/2018, H cùng anh Lê Viết C (là em CH của chị H) chở gỗ keo đi nhập tại công ty Thành Long. Sau khi nhập hàng xong thì nhân viên của công ty Thành Long đã xuất pH thanh toán chi trả và giao số tiền 57.536.000 đồng cho H để H mang về cho chị H, H nhận tiền và kí tên “H”. Sau khi nhận số tiền 57.536.000 đồng, H và anh C điều khiển xe ô tô tải đi về xã L, huyện A. Trên đường về H nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 57.536.000 đồng của chị H, nên H đã không đi thẳng về nhà chị H, mà H điều khiển xe đi đến bãi rửa xe của chị Nguyễn Thị V tại xã K, huyện A để rửa xe. Tại đây, H nói C ở lại chỗ rửa xe đợi, còn H mượn chị V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motor Star BKS 37H6-4760 để đi công việc, được chị V đồng ý. H đã điều khiển xe mô tô mượn của chị V và cầm theo số tiền 57.536.000 đồng của chị H đi về hướng xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, khi đi đến cổng chào thôn 9, xã Long Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An thì xe hết xăng. Nên H đã để lại chiếc xe mô tô mượn của chị V tại đây, rồi mang theo toàn bộ số tiền 57.536.000 đồng của chị H bỏ trốn ra Hà Nội và tiêu xài hết (Bút L: 143-148, 150-153).

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 21/KL-HĐĐG, ngày 11/7/2024 của Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự huyện A, tỉnh Nghệ An kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu MOTOSTAR, màu sơn xanh, biển kiểm soát 37H6-4760, số máy GU-516087, số khung FMA10D4X-516087 được định giá tại thời điểm xảy ra vụ án là 1.700.000 đồng (Bút L: 95).

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Đối với Giấy chứng minh nhân số 221339173 do Công an tỉnh Phú Yên cấp ngày 27/8/2014 mang tên Nguyễn Văn H mà Nguyễn Văn H đã sử dụng, quá trình bỏ trốn H đã vứt bỏ. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm thấy.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motor Star BKS 37H6-4760, số máy GU-516087, số khung FMA10D4X-516087, có màu sơn xanh của chị Nguyễn Thị V. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh, truy tìm nhưng không tìm thấy.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Chị Nguyễn Thị V và cH là anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Nguyễn Trung H bồi thường đối với chiếc xe máy Biển kiểm soát 37H6-4760 mà H mượn và đã làm mất (Bút L: 169; 177).

+ Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Nguyễn Trung H bồi thường toàn bộ số tiền 57.536.000 đồng (Bút L: 161).

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án (Bút L: 143-148, 150-153).

Tại bản Cáo trạng số 09/CT- VKS - AS ngày 12/02/2024 của Viện kiểm sát nhận dân huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An) truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Nghệ An giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 56; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 604, Điều 608 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù; Tổng hợp hình phạt tại Bản án số: 09/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 03 năm 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Buộc: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 Bản án từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt

tạm giữ, tạm giam là ngày 12/11/2024; Về xử lý vật chứng: Không; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 57.536.000 đồng; Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Trung H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.876.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Trung H không tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng bị cáo nói, bị cáo đã biết sai và kính mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc KH nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều thực hiện đúng pháp luật.

Về thẩm quyền xét xử vụ án: Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

[2] *Về nội dung vụ án*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung H khai nhận:

Lợi dụng sự tin tưởng của chị Nguyễn Thị H giao cho bị cáo chở gỗ keo đi nhập cho công ty TNHH Thành Long, sau đó lấy tiền hàng do công ty giao để về giao lại cho chị H theo thỏa thuận. Ngày 15 và 16/12/2018, sau khi nhập hàng xong, H được nhân viên của công ty xuất pH thanh toán chỉ trả tổng số tiền 57.536.000 đồng cho H nhận. Trên đường về H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 57.536.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Khi đến bãi rửa xe của chị Nguyễn Thị V để rửa xe, H đã mượn chị V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Motor Star BKS

37H6-4760, đồng thời cầm theo số tiền 57.536.000 đồng bỏ trốn ra Hà Nội và tiêu xài cá nhân hết.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Trung H đã có hành vi nhận được tài sản là số tiền 57.536.000 đồng của chị Nguyễn Thị H nhưng không giao lại cho chị H mà đã chiếm đoạt của chị H để tiêu xài cá nhân. Nên có đủ cơ sở để khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An (Nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Nghệ An) đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung H về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Tính chất vụ án là nghiêm trọng, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại lớn cho xã hội, đã làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng trong cuộc sống. Hành vi của bị cáo đã làm mất lòng tin giữa con người với nhau. Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bên cạnh đó, bị cáo đang có tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và bị cáo đã rất nhiều lần thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đã bị Tòa án xét xử nhiều lần về loại tội này nhưng bị cáo không sửa chữa mà vẫn tiếp tục phạm tội. Chứng tỏ bị cáo rất coi thường pháp luật, ý thức rèn luyện rất kém. Vì vậy cần xét xử nghiêm, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội.

Bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, động cơ, mục đích là nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác để thu lợi bất chính, tiêu xài cá nhân; thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã phạm.

- Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Tại Bản án số: 04/2017/HS-ST ngày 23/01/2017 của Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 11/12/2017, chưa được xóa án tích. Đến ngày 16/12/2018, bị cáo tiếp tục phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị Tòa án xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”: Năm 2019 bị Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Năm 2021 bị

Tòa án huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 03 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Ngày 25/02/2025 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xét bị cáo đang có tiền án về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và có nhân thân xấu về hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Xét bị cáo đang bị xét xử về tội đã phạm trước khi có Bản án số: 09/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/11/2024. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số: 33/2025/QĐ-CA ngày 16/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Lâm Đồng). Vì vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại Bản án số: 09/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông và tổng hợp với hình phạt của tội mới này. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập, không có tài sản riêng gì nên miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về hành vi liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này, Nguyễn Trung H còn có hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H, tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã xác định, anh Nguyễn Văn H không có quan hệ quen biết gì với Nguyễn Trung H và anh H bị mất giấy chứng minh nhân dân vào khoảng năm 2017 và đã làm lại để sử dụng. Nên anh H không biết việc H sử dụng giấy chứng minh nhân dân của mình. Nên Cơ quan CSĐT Công an huyện A, tỉnh Nghệ An không xử lý anh H là đúng pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H nhưng không có kết quả. Mặc dù Nguyễn Trung H có hành vi sử dụng trái phép giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn H. Do không truy tìm lại được giấy chứng minh nhân dân nên không có căn cứ để xử lý hành vi này.

Ngoài ra, Nguyễn Trung H còn mượn của chị Nguyễn Thị V 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Motor Star BKS 37H6-4760. Tuy nhiên, trị giá chiếc xe máy của chị V không đủ tang số định tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện A không truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi này là đúng pháp luật. Công an huyện A, tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC

ngày 21/01/2025 xử phạt Nguyễn Trung H số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 57.536.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung H cũng thống nhất bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 57.536.000 đồng. Nên cần buộc bị cáo Nguyễn Trung H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền 57.536.000 đồng theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 604, Điều 608 Bộ luật dân sự.

Đối với thiệt hại là chiếc xe máy Motor Star BKS 37H6-4760 của chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa chị V và anh L vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, chị V và anh L không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

* **Áp dụng:** Điểm c khoản 2 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 56; Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 604, Điều 608 của Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/QH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung H 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt: Tại Bản án số: 09/2025/HS-ST ngày 25/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/11/2024.

Buộc: Bị cáo Nguyễn Trung H phải chấp hành hình phạt chung của cả 2 Bản án là: 06 (Sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 12/11/2024.

* **Về hình phạt bổ sung:** Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Nguyễn Trung H.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Nguyễn Trung H có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị H số tiền: 57.536.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*** Về án phí:** Bị cáo Nguyễn Trung H phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 2.876.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 9;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 9;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng